

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03/5/2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Tuấn Vương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Đức Minh

2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Lương Thị Bạch T**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tầng E, số B, ngõ B, đường Đ, tổ A, phường P, khu T, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Khu G, phường N, thị trấn Q, tỉnh Quảng Ninh.

**2. Bị đơn:** Anh **Phạm Đức T1**, sinh năm 1985; ĐKKHKT: Tổ dân phố số C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Chị Lương Thị Bạch T trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Bạch T và anh Phạm Đức T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình ngày 09/7/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị tiếp tục làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Văn

phòng kinh tế và văn hóa Đ tại Hà Nội nhưng không thành. Từ đó, giữa chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn. Sau đó, chị T trở lại sinh sống, làm việc tại Đài Loan, còn anh T1 vẫn sinh sống tại Việt Nam. Tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt, xa cách và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

+ Về con chung: Chị Lương Thị Bạch T và anh Phạm Đức T1 có 01 con chung là Phạm Kiều T2 – sinh ngày 01/3/2013. Hiện con chung đang ở với anh T1. Ly hôn, chị T đồng ý anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị T tự nguyện cấp dưỡng cho con chung số tiền là 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lương Thị Bạch T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - Anh Phạm Đức T1 trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức T1 và chị Lương Thị Bạch T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/7/2013 tại Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T1 một thời gian ngắn. Sau đó, chị T quay trở lại Đài Loan sinh sống, còn anh T1 vẫn sinh sống tại Việt Nam do không đủ điều kiện để định cư tại Đài Loan. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do khoảng cách về địa lý nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Chị T không còn quan tâm đến chồng và con. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị T, không muốn duy trì hôn nhân nữa nên anh đồng ý ly hôn Chị T. Hiện anh T1 đang trong thời gian đi lao động tại S.

+ Về con chung: Anh Phạm Đức T1 và chị Lương Thị Bạch T có 01 con chung là Phạm Kiều T2 – sinh ngày 01/3/2013. Hiện con chung đang ở cùng anh và ông bà nội. Ly hôn, anh T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý việc chị T tự nguyện cấp dưỡng cho con chung số tiền là 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T1, giao con chung cho anh T1 nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng cho con chung; không đặt ra giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, nguyên đơn là chị Lương Thị Bạch T có quốc tịch Đài Loan (Trung Quốc), có địa chỉ: Tầng E, số B, ngõ B, đường Đ, tổ A, phường P, khu T, thành phố Đ. Bị đơn là anh Phạm Đức T1 có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố số C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình tiến hành thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai của con chung và bố đẻ của anh T1 nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa theo quy định Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị T, anh T1 thể hiện hôn nhân của anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân trong thời gian dài. Anh T1 đồng ý ly hôn chị T. Điều đó cho thấy cả hai không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân nữa. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị T ly hôn anh T1 là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Phạm Kiều T2 – sinh ngày 01/3/2013. Xét thấy, cháu T2 có nguyện vọng ở với anh T1 và ông bà nội. Từ khi chị T trở về Đài Loan sinh sống, cháu T2 do anh T1 nuôi dưỡng có cuộc sống và việc học tập ổn định. Khi anh T1 đi lao động tại nước ngoài thì việc chăm sóc con chung có bố mẹ đẻ anh T1 hỗ trợ. Chị T đồng ý giao con chung cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần giao con chung cho anh T1 nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con T2.

Chị T tự nguyện cấp dưỡng cho con chung số tiền là 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh T1 không có tranh chấp về vấn đề cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị Bạch T được ly hôn anh Phạm Đức T1.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung là Phạm Kiều T2 – sinh ngày 01/3/2013 cho anh Phạm Đức T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lương Thị Bạch T tự nguyện cấp dưỡng cho con chung số tiền là 1.500.000 đồng/01 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị Bạch T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí Chị T đã nộp tại biên lai số 0000062 ngày 21/12/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Lương Thị Bạch T còn phải nộp 150.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. chị Lương Thị Bạch T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; anh Phạm Đức T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Đức Minh**

**Hoàng Thị Thu Hiền**

**Chu Tuấn Vương**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Nơi nhận:** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND tỉnh;
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**Chu Tuấn Vương**